TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/KDTM-ST
Ngày: 20-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Tống Văn Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 144/2024/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Quốc Tế T; địa chỉ: đường 15, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1976, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Lâm H; địa chỉ: đường ĐX-06, Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Chiến trình bày:

Công ty TNHH Quốc Tế T (nguyên đơn) và Công ty TNHH Lâm H (bị đơn) có ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 04/23/HĐ/THP-LH ngày 02/01/2023 với nội dung nguyên đơn sản xuất và cung cấp cho bị đơn các loại sản phẩm, hàng hoá theo yêu cầu của bị đơn. Hợp đồng được lập bằng văn bản và được người đại diện theo pháp luật của hai bên ký tên, đóng dấu. Hợp đồng có thời hạn đến ngày 31/12/2023.

Sau khi hai bên ký hợp đồng, căn cứ theo yêu cầu đặt hàng của bị đơn thì nguyên đơn đã tiến hành giao tổng số hàng hoá có tổng giá trị là 1.758.926.950 đồng (bao gồm thuế VAT) và nguyên đơn đã xuất tổng cộng 18 hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn, cụ thể:

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000086 ngày 03/6/2023 là 143.705.100 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000104 ngày 27/6/2023 là 1.801.250 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000107 ngày 03/7/2023 là 100.083.500 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000114 ngày 08/7/2023 là 178.324.300 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000137 ngày 16/8/2023 là 16.651.800 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000191 ngày 16/10/2023 là 110.066.000 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000193 ngày 19/10/2023 là 68.024.000 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000203 ngày 01/11/2023 là 3.811.500 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000206 ngày 02/11/2023 là 158.207.500 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000214 ngày 14/11/2023 là 87.241.000 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000222 ngày 23/11/2023 là 196.421.500 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000237 ngày 08/12/2023 là 79.673.000 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000241 ngày 16/12/2023 là 62.507.500 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000248 ngày 23/12/2023 là 160.924.500 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000005 ngày 05/01/2024 là 63.437.000 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000008 ngày 06/01/2024 là 151.618.500 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000016 ngày 17/01/2024 là 93.307.500 đồng.

Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000024 ngày 26/01/2024 là 83.121.500 đồng.

Sau khi xuất hoá đơn, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền

Tính đến thời điểm hiện nay, bị đơn chỉ mới thanh toán được tổng cộng số tiền là 233.047.100 đồng bằng chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho nguyên đơn và còn nợ lại số tiền 1.525.879.850 đồng chưa thanh toán. Đến ngày 17/4/2024, nguyên đơn có công văn đề nghị bị đơn thanh toán, đồng thời đối chiếu công nợ. Đại diện theo

pháp luật của bị đơn đã ký xác nhận và cam kết thanh toán với thời hạn cụ thể. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện, chỉ thanh toán thêm 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.425.879.850 đồng.

Theo điều 5 của hợp đồng quy định thời hạn thanh toán là 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Đối với số lượng hàng hóa đã giao nguyên đơn đều xuất hóa đơn đầy đủ cho bị đơn theo quy định của pháp luật về thuế và nguyên đơn cũng đã thực hiện việc báo cáo, kê khai thuế và nộp thuế theo quy định đối với tất cả các hóa đơn đầu ra đã xuất cho bị đơn.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán, nhưng bị đơn trốn tránh và cố tình không trả nợ. Sau đó thì được biết bị đơn đã tạm ngừng hoạt động tại địa chỉ mà nguyên đơn thường đến giao hàng, người đại diện của bị đơn đã ngắt mọi liên lạc với nguyên đơn.

Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ là 1.425.879.850 đồng (Bao gồm VAT). Không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngày 17/3/2025, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Xác định lại số tiền yêu cầu bị đơn thanh toán là 1.275.879.850 đồng. Lý do, bị đơn đã thanh toán thêm số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá". Buộc bị đơn Công ty TNHH Lâm H phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Quốc Tế T số tiền còn nợ là 1.275.879.850 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng nguyên tắc, đây là tranh chấp giữa hai chủ thể kinh doanh là thương nhân và đều nhằm mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo hợp đồng hai bên giao kết, các bên có thoả thuận nếu phát sinh tranh chấp thì đưa lên Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên nơi có trụ sở bị đơn giải quyết. Bị đơn có trụ sở tại phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[1.3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH Lâm H hiện nay không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H hiện không có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn hợp lệ, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Xét thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 1.275.879.850 đồng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Toà án Hợp đồng nguyên tắc số 04/23/HĐ/THP-LH ngày 02/01/2023 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn với nội dung là nguyên đơn sản xuất và cung cấp cho bị đơn hàng hoá theo yêu cầu của bị đơn. Qui cách, số lượng, chất lượng, mẫu mã, giá sẽ được thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng của bị đơn và bảng báo giá của nguyên đơn đã được bị đơn xác nhận. Về hình thức thanh toán, thì nguyên đơn sẽ xuất hoá đơn tài chính cho bị đơn, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn cho bị đơn. Do đó, Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý chí thỏa thuận tự

nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán: Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao đầy đủ hàng hoá theo các đơn đặt hàng của bị đơn và nguyên đơn đã xuất các Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000086 ngày 03/6/2023 là 143.705.100 đồng; số 00000104 ngày 27/6/2023 là 1.801.250 đồng; số 00000107 ngày 03/7/2023 là 100.083.500 đồng; số 00000114 ngày 08/7/2023 là 178.324.300 đồng; số 00000137 ngày 16/8/2023 là 16.651.800 đồng; số 00000191 ngày 16/10/2023 là 110.066.000 đồng; số 00000193 ngày 19/10/2023 là 68.024.000 đồng; số 00000203 ngày 01/11/2023 là 3.811.500 đồng; số 00000206 ngày 02/11/2023 là 158.207.500 đồng; số 00000214 ngày 14/11/2023 là 87.241.000 đồng; số 00000222 ngày 23/11/2023 là 196.421.500 đồng; số 00000237 ngày 08/12/2023 là 79.673.000 đồng; số 00000241 ngày 16/12/2023 là 62.507.500 đồng; số 00000248 ngày 23/12/2023 là 160.924.500 đồng; số 00000005 ngày 05/01/2024 là 63.437.000 đồng; số 00000008 ngày 06/01/2024 là 151.618.500 đồng; số 00000016 ngày 17/01/2024 là 93.307.500 đồng; số 00000024 ngày 26/01/2024 là 83.121.500 đồng. Tổng số tiền là 1.758.926.950 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận hàng bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn 483.047.100 đồng, hện nay, bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền hàng theo các hoá đơn còn lại là 1.275.879.850 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn không tham gia tố tụng là đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng được pháp luật quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không trực tiếp tham gia tố tụng, bị đơn cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù biết rõ nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của mình. Điều này cho thấy bị đơn có ý thức không quan tâm và bỏ mặc cho hậu quả pháp lý có thể xảy ra. Xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận

[2.4] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Công ty TNHH Quốc Tế T phải chịu và đã nộp đủ.

[5] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50; Điều 55 của Luật thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Quốc Tế T với bị đơn Công ty TNHH Lâm H về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Buộc Công ty TNHH Lâm H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Quốc Tế T số tiền là 1.275.879.850 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Công ty TNHH Quốc Tế T phải chịu và đã nộp đủ

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Lâm H phải chịu 50.276.396 đồng (Năm mươi triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng).

- Trả lại cho Công ty TNHH Quốc Tế T số tiền 27.388.197 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăn tám mươi tám nghìn một trăm chín mươi bảy đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004285 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Loan